TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28/**2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 18/02/2025.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Cao Tuấn**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1**.** Ông: **Lê Văn Minh**;

2. Ông: **Phạm Thành Công**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Mỹ Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông;

Trong ngày 18 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 315/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thảo T** – sinh năm xxxx; Địa chỉ: Ấp x, xã T, huyện C, tỉnh T (có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Dương Hồng N** - sinh năm xxxx; Địa chỉ: Ấp G, xã B, huyện G, tỉnh T (vắng mặt không lý do);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, nguyên đơn chị Nguyễn Thảo T trình bày:

Chị và anh Dương Hồng N cưới nhau vào tháng 11 năm 2023, được sự tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh N không lo cho gia đình, gây nợ nần

và thỉnh thoảng còn đánh chị nên chị và anh N đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2024 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể trở lại chung sống được nữa nên chị xin được ly hôn với anh N.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

***** Bị đơn anh Dương Hồng N vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thảo T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn anh Dương Hồng N vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ các bên đang tranh chấp là "xin ly hôn".

[2] Xét bị đơn anh Dương Hồng N mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, lần 2; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 227, 228, 233 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh N.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh N cưới nhau vào tháng 11 năm 2023, được sự tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh N không lo cho gia đình, gây nợ nần và thỉnh thoảng còn đánh chị nên chị và anh N đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2024 cho đến nay. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể trở lại chung sống được nữa nên chị xin được ly hôn với anh N. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh N không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặc dù anh N đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng anh N vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến cũng như đến Tòa án để giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của chị T. Điều đó cho thấy anh N không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không quan tâm đến chị T. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Nguyễn Thảo T.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo qui định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 227, 228, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thảo T. Chị Nguyễn Thảo T được ly hôn với anh Dương Hồng N.

2. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí HNST nhưng được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013700 ngày 29/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, nên chị T đã nộp xong án phí.

3. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- THADS huyện Gò Công Đông;
- Ủy ban nhân dân xã Tam Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Cao Tuấn